

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án Quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/8/2015;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ – TTg ngày 29/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 06/2013/QĐ.UBND.VX ngày 16/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXIII Đảng bộ thành phố Vinh nhiệm kỳ 2015-2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án Quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND Thành phố, các Trưởng phòng ban chuyên môn; Chủ tịch UBND các phường xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT NA;
- Thường trực Th.U;
- TT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành Phố;
- Lưu: VT, GDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài An

ĐỀ ÁN

Quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1373 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh)

A. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Đề án “Quy hoạch mạng lưới cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 – 2020” của thành phố Vinh được xây dựng dựa trên những căn cứ chủ yếu sau:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 2468/QĐ –TTg ngày 29/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia; Thông tư 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 08/2/2014 ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

- Quyết định số 06/2013/QĐ.UBND.VX ngày 16/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về Phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

- Nghị quyết số 05-NQ/Th.U ngày 24/02/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Vinh về Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXIII Đảng bộ thành phố Vinh nhiệm kỳ 2015-2020.

2.Căn cứ thực tiễn

Trong những năm vừa qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Vinh, ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đã có được những thành tích đáng ghi nhận như: Mạng lưới trường lớp được củng cố tương đối hợp lý, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trong độ tuổi đi học. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập cơ bản phân bố đều trên đơn vị phường, xã tạo điều kiện thuận lợi trong việc đến trường của các lứa tuổi học sinh. Cơ sở vật chất trường lớp ngày càng khang trang hiện đại, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng liên tục trong thời gian qua. Đội ngũ giáo viên các cấp học về cơ bản được chuẩn hoá và tiếp tục nâng cao về chất lượng, tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn cao. Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố luôn là đơn vị tiên tiến xuất sắc dẫn đầu của tỉnh.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của Thành phố về cả kinh tế, văn hóa xã hội và quy mô đã tạo tiền đề để phát triển giáo dục song đồng thời đặt ra yêu cầu cao đối với ngành giáo dục và đào tạo:

- Dân số tăng nhanh và sự chênh lệch số dân giữa các năm sinh lớn lại tập trung khu vực nội thành nên một số địa bàn có áp lực lớn về tuyển sinh các lớp đầu cấp, sĩ số học sinh/lớp quá cao so với quy định dẫn đến việc bất cập về quy mô trường lớp. Hầu hết các trường mầm non và một số trường học tiểu học đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia vi phạm về quy mô số lớp, về sĩ số học sinh/lớp, về diện tích sử dụng bình quân.

- Cơ sở vật chất trường lớp học chưa đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô học sinh. Một số trường cơ sở vật chất đã xuống cấp, trang thiết bị tại một số trường học còn thiếu, không đồng bộ lại tập trung đầu tư cho các phòng học văn hóa nên nhiều trường còn thiếu phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thực hành, khu giáo dục thể chất và các công trình phụ trợ (đặc biệt là ở cấp mầm non và tiểu học).

- Tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia còn chậm và thiếu bền vững. Các trường đã đạt chuẩn quốc gia sau 05 năm cơ sở vật chất đã xuống cấp. Một số trường thiếu phòng học, các phòng chức năng nên vi phạm tiêu chuẩn về cơ sở vật chất của trường chuẩn quốc gia.

- Đội ngũ giáo viên vừa thừa vừa thiếu cục bộ, một bộ phận giáo viên Tiếng Anh chưa đáp ứng được yêu cầu của việc triển khai đề án dạy học ngoại ngữ.

Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn, bất cập đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo thành phố Vinh

xứng tầm với trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung bộ, UBND thành phố Vinh xây dựng Đề án “Quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020”. Đề án sẽ đánh giá thực trạng tình hình hiện nay, đề ra mục tiêu và những giải pháp chủ yếu để quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

3. Phạm vi điều chỉnh

Đề án chỉ đề cập đến quy hoạch mạng lưới, xây dựng cơ sở vật chất trường lớp gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.

B.NỘI DUNG

I. THỰC TRẠNG VỀ QUY MÔ TRƯỜNG LỚP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Qui mô, mạng lưới

Bảng 1: Quy mô trường lớp năm học 2015-2016

Mầm non				Tiểu học				Trung học cơ sở			
Số trường	Số nhóm/lớp	Số Học sinh	Số trường CQG	Số trường	Số lớp	Số Học sinh	Số trường CQG	Số trường	Số lớp	Số Học sinh	Số trường CQG
55	590	21891	25	31	682	26131	25	26	411	15238	12

a) Giáo dục Mầm non

Thành phố hiện có: 55 trường, trong đó có 28 trường mầm non công lập, 27 trường ngoài công lập và hơn 80 nhóm, lớp độc lập tự thực. Có 2 phường (Phường Lê Lợi và Hưng Phúc) chưa có trường mầm non công lập. Trường Mầm non Hưng Lộc có 2 điểm trường, Mầm non Nghi Phú có 3 điểm trường.

Tỷ lệ trẻ 0 - 5 tuổi vào học trường mầm non là 66,01%, trong đó tỷ lệ huy động nhà trẻ là 33%; mẫu giáo 3 - 5 tuổi là 89,86% (5 tuổi 99,9%).

100% các trường mầm non dạy học theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ GD&ĐT và tổ chức bán trú.

Số trẻ/nhóm (đối với độ tuổi nhà trẻ) bình quân của toàn Thành phố là 29 trẻ/nhóm (vượt quy định 4 trẻ/nhóm); Số trẻ/lớp (đối với độ tuổi mẫu giáo) 39,3 trẻ/lớp (vượt quy định 4,3 trẻ/lớp).

b) Tiểu học:

Thành phố có 28 trường tiểu học công lập, 01 cấp học của trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh và 02 cấp học của các trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập. Có 24/25 phường xã có trường tiểu học công lập, trong đó có 04 phường, xã có 02 trường tiểu học công lập (Nghi Phú, Hà Huy Tập, Hưng Dũng, Cửa Nam); 01 phường (Hưng Phúc) chưa có trường tiểu học công lập. Các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố đều tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục tại trường.

Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường là 99,4%, trong đó trẻ 6 tuổi là 99,8%.

Bình quân số lớp của các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố là 22 lớp/trường (*Quy định tối đa 30 lớp/trường*). Nhưng do áp lực tuyển sinh nên một số trường có số lớp vượt quá quy định như: tiểu học Lê Lợi 37 lớp (vượt 7 lớp), tiểu học Hà Huy Tập II 36 lớp (vượt 6 lớp), tiểu học Lê Mao 35 lớp (vượt 5 lớp)

Số học sinh/lớp cấp tiểu học trung bình của Thành phố là 39,5 HS/lớp (*quy định 35 học sinh*). Một số trường có số học sinh/lớp cao: tiểu học Hà Huy Tập 2 vượt quy định 14 HS/lớp, tiểu học Lê Lợi vượt 11 HS/lớp, tiểu học Lê Mao vượt 10 HS/lớp, tiểu học Hà Huy Tập 1 vượt 10 HS/lớp...

c) Trung học cơ sở

Thành phố có 23 trường THCS công lập, 01 cấp học của trường Phổ thông Thực hành Sư phạm Đại học Vinh và 02 cấp học của trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập.

Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường THCS là 94,4%, trong đó học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 là 100%.

Sĩ số học sinh/lớp bình quân của toàn Thành phố là 37 HS/lớp, không có trường nào có sĩ số học sinh vượt quy định.

2. Cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia

a) Mầm non

Số trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia là 25/28 trường – tỷ lệ 89,2%, trong đó có 6 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 – tỷ lệ 21,4%.

Số lượng phòng học kiên cố của các trường mầm non công lập hiện có 381/387 phòng, đạt tỷ lệ 98,44%. Khối phòng phục vụ học tập: 10/55 trường có phòng giáo dục thể chất, đạt tỷ lệ 18,18%, trong đó có 1 phòng bán kiên cố; 37/55 trường có phòng giáo dục nghệ thuật, đạt tỷ lệ 67,27%, trong đó có 1 phòng bán kiên cố.

Diện tích sử dụng đất bình quân cho một trẻ của Thành phố là 8,15 m²/HS, cao hơn so với quy định (*8m²/trẻ đối với khu vực Thành phố và Thị xã*). Tuy nhiên, một số trường mầm non đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia nay diện tích sử dụng đất bình quân cho một học sinh lại quá ít: mầm non Cửa Nam là 1,83m²; mầm non Việt Lào là 2,74m²; mầm non Hồng Sơn là 3,38m²...

Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được quan tâm đầu tư bảo đảm đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thành phố đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2014.

b) Tiểu học

Số trường tiểu học công lập đạt chuẩn quốc gia là 25/28 đạt 89,28%, trong đó có 9 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 với tỷ lệ 32,14%.

Số lượng phòng học kiên cố của các trường tiểu học công lập hiện có 629/647 phòng, đạt tỷ lệ 97,21%, (còn có 7 phòng học tạm). Hầu hết các trường tiểu học đều có Thư viện, phòng Vi tính, phòng Thiết bị, phòng Giáo dục nghệ thuật, phòng học Ngoại ngữ.

Diện tích sử dụng đất bình quân cho một học sinh tiểu học của Thành phố là $7,73\text{m}^2$, cao hơn so với yêu cầu quy định (*không dưới 6m^2 /học sinh đối với vùng Thành phố, Thị xã*). Tuy nhiên, một số trường tiểu học diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu cho một học sinh lại quá ít: tiểu học Hồng Sơn là $2,21\text{m}^2$; tiểu học Hà Huy Tập 2 là $2,77\text{m}^2$; tiểu học Lê Lợi là $3,42\text{m}^2$; tiểu học Đội Cung là $3,89\text{m}^2$...

c) Trung học cơ sở

Số trường THCS công lập đạt chuẩn quốc gia là 12/23, tỷ lệ 52,17%.

Số lượng phòng học kiên cố có 370/372 phòng, đạt tỷ lệ 99,52%, (còn có 02 phòng học tạm của THCS Vinh Tân).

Tất cả các trường đều phòng học vi tính, phòng thư viện (3 trường có 2 phòng thư viện). 09 trường chưa có phòng học Ngoại ngữ. Nhiều phòng học bộ môn, phòng Thí nghiệm, phòng Thiết bị, phòng học Tin học, Ngoại ngữ (kể cả các trường đã đạt chuẩn quốc gia) chưa bảo đảm các tiêu chuẩn quy định.

Diện tích sử dụng đất bình quân cho một học sinh THCS của toàn Thành phố là $10,75\text{m}^2$ bảo đảm đúng quy định về diện tích đất bình quân cho một học sinh THCS áp dụng cho trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Tuy vậy, một số trường diện tích sử dụng đất bình quân cho một học sinh chưa đạt yêu cầu như: THCS Cửa Nam là $5,45\text{m}^2$; THCS Lê Lợi là $5,64\text{m}^2$; THCS Lê Mao $4,64\text{m}^2$; THCS Vinh Tân là $5,68\text{m}^2$; THCS Trung Đô là $5,97\text{m}^2$.

Phụ lục 1.1 : Số liệu cơ bản về thực trạng giáo dục mầm non

Phụ lục 1.2 : Số liệu cơ bản về thực trạng giáo dục tiểu học

Phụ lục 1.3 : Số liệu cơ bản về thực trạng giáo dục trung học cơ sở

3. Đội ngũ

Biên chế hiện có: 2678 (CBQL 195; GV 2284; NVHC 199). Trong đó Mầm non có 770 biên chế với CBQL 81; GV 641; NVHC 48; Tiểu học có 998 biên chế với CBQL 64; GV 848; NVHC 86; Trung học cơ sở có 910 biên chế với CBQL 50; GV 795; NVHC: 65. So với quy định giáo viên mầm non hiện còn thiếu 55 người, giáo viên tiểu học thiếu 31 người, giáo viên THCS thiếu 14 người. Các trường THCS thiếu nhân viên thiết bị thư viện, văn thư và bắt đầu thiếu giáo viên các bộ môn văn hóa đặc biệt là giáo viên môn Giáo dục Công dân, môn Công nghệ.

Đội ngũ giáo viên từ mầm non đến trung học cơ sở đảm bảo về chất lượng đáp ứng tốt về yêu cầu giáo dục đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

II. DỰ BÁO QUY MÔ DÂN SỐ TRONG ĐỘ TUỔI ĐI HỌC VÀ CÁC CẤP HỌC ĐẾN NĂM 2020

Quy mô trường lớp của các cấp học được xây dựng dựa trên 2 yếu tố là:

- Số lượng dân số trong độ tuổi đi học của từng cấp học theo số liệu điều tra phổ cập hàng năm.

- Số dân số tăng cơ học.

Bảng 2: Dự báo dân số trong độ tuổi đi học đến 2020

TT	Độ tuổi	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	1 0-2 tuổi (Nhà trẻ)	17876	17895	20372	22836	25621	29101
	2 3-5 tuổi (Mẫu giáo)	21417	26 667	26455	23876	24073	26095
	0-5 tuổi (Mầm non)	39293	44562	46827	46712	49694	55196
II	6-10 tuổi (Tiểu học)	25823	25859	30100	36584	42377	45095
III	11- 14 tuổi (THCS)	15075	16031	17384	18516	20139	22080
Tổng 0-14 tuổi		80191	86452	94311	101812	112210	122371

Những kết quả dự báo dân số của Thành phố đến năm 2020 như trên cho thấy:

- Số trẻ em trong nhóm tuổi nhà trẻ (0-2 tuổi) tăng, từ 17876 cháu năm 2015 lên 29101 cháu năm 2020, đến năm học 2019 – 2020 số trẻ nhà trẻ sẽ tăng mạnh (11225 cháu);

- Số trẻ em trong nhóm tuổi mẫu giáo (3-5 tuổi) tăng, từ 21417 cháu năm 2015 lên 26095 cháu năm 2020, đến năm học 2019 – 2020 số học sinh mẫu giáo sẽ tăng (4678 cháu); riêng đối với phổ cập 5 tuổi, có một số độ tuổi tỷ lệ huy động trẻ rất lớn (nhất là năm học 2017-2018 với 11446 cháu).

- Số trẻ em trong nhóm tuổi tiểu học (6-10 tuổi) tăng rất mạnh, từ 25823 em năm 2015 lên 45095 em năm 2020; đến năm học 2019 – 2020 số học sinh tiểu học sẽ tăng rất mạnh (19272 em);

- Số trẻ em trong nhóm tuổi THCS (11-14 tuổi) tăng mạnh, từ 15075 em năm 2015, lên 22080 em năm 2020; đến năm học 2019 - 2020 số học sinh trường THCS sẽ tăng rất mạnh (7005 em).

Phụ lục 2: Dự báo dân số theo độ tuổi của từng phường, xã từ năm 2015 đến năm 2020.

Trên cơ sở dự báo dân số trong độ tuổi đi học và theo mục tiêu quy hoạch của từng bậc học, tỷ lệ % trẻ đến trường của từng độ tuổi, từng cấp học, dự báo quy mô các cấp học (lớp, học sinh) đến năm 2020, của thành phố Vinh như sau:

Bảng 3: Dự báo quy mô các cấp học đến 2020

Cấp học	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021	
	Lớp	Học sinh								
Mầm non	972	31525	1045	33635	1063	33810	1128	35582	1311	41230
Nhà trẻ	251	6263	293	7334	338	8449	389	9736	466	11640
Mẫu giáo	721	25262	752	26302	725	25361	739	25846	845	29590
5 tuổi	240	8373	327	11446	273	9557	218	7650	236	8262

Cấp học	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021	
	Lớp	Học sinh								
Tiểu học	732	26429	844	30267	1012	35923	1211	42377	1166	45128
Lớp 1	127	4448	242	8457	330	11561	315	11025	233	8860
Lớp 2	179	6276	128	4492	244	8542	334	11676	281	11150
Lớp 3	155	5433	181	6339	130	4537	246	8627	300	11768
Lớp 4	151	5272	157	5487	183	6402	131	4583	228	8708
Lớp 5	127	4430	152	5325	158	5542	155	6466	124	4642
THCS	401	16031	435	17384	463	18561	503	20139	565	22360
Lớp 6	110	4412	112	4474	134	5378	140	5598	166	6561
Lớp 7	101	4037	111	4456	113	4519	136	5432	143	5664
Lớp 8	108	4333	102	4077	113	4501	114	4564	138	5516
Lớp 9	81	3249	109	4376	103	4118	114	4546	116	4620
Tổng cộng	2105	73985	2324	81286	2538	88294	2842	98098	3042	108718

III. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

- Mỗi đơn vị phường xã có ít nhất 1 trường mầm non, 1 trường Tiểu học và 1 trường THCS công lập.

Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 40% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và 95% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non xuống dưới 5%; 100% trẻ 5 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập THCS mức độ 3 vào năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020 quy mô trường mầm non không quá 20 nhóm lớp/trường, số trẻ từ 20 đến 25 trẻ/nhóm lớp đối với nhà trẻ và từ 30 đến 35 trẻ/lớp đối với mẫu giáo. Diện tích sử dụng đất bình quân trong trường mầm non tối thiểu 8m² cho một trẻ; Quy mô trường tiểu học không quá 30 lớp/trường, số học sinh không quá 35 học sinh/lớp. Diện tích sử dụng đất bình quân trong trường tiểu học tối thiểu 6m²/học sinh; quy mô trường trung học cơ sở không quá 45 lớp/trường, số học sinh không quá 45 học sinh/lớp. Diện tích sử dụng đất bình quân trong trường trung học cơ sở tối thiểu 6m²/học sinh.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giữ vững tiêu chuẩn của các trường đã đạt chuẩn quốc gia. Tập trung đầu tư xây dựng đến năm 2020 có 100% các trường công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Khuyến khích doanh nghiệp hoặc cá nhân, tổ chức thành lập các trường ngoài công lập. Tạo điều kiện xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng các trường chất lượng cao ở các cấp học tại các khu vực nội thành đông dân cư và có điều kiện kinh tế phát triển.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu đề ra, từ nay đến năm 2020 Thành phố phải tập trung đầu tư xây dựng mới 12 trường công lập (Mầm non 5 trường, Tiểu học 3 trường, THCS 3 trường); xây dựng thêm 591 phòng học, phòng chức năng và mở rộng diện tích khuôn viên 12 trường. Cụ thể như sau:

a) Giáo dục mầm non:

- Xây dựng mới 2 trường mầm non công lập với quy mô 20 nhóm lớp tại phường Lê Lợi và phường Hưng Phúc. Hoàn thành xây dựng trường Mầm non Cửa Nam với quy mô 20 nhóm, lớp tại địa điểm mới. Xây dựng 2 trường mầm non công lập với quy mô 20 nhóm lớp trên điểm trường hiện có của trường Mầm non Hưng Lộc và Mầm non Nghi Phú.

- Mở rộng quy mô các trường mầm non (xây dựng thêm các phòng học và khối phòng chức năng bổ trợ):

Bảng 4: Thông kê số lượng các phòng học, phòng chức năng cần xây thêm của bậc học Mầm non

TT	Trường Mầm non	Số phòng học cần xây thêm	Số phòng chức năng cần xây thêm	Ghi chú
1	Nghi Đức	10	2	
2	Hưng Hòa	9	1	
3	Việt Lào	8	3	
4	Nghi Liên	8	1	
5	Nghi Kim	8	2	
6	Nghi Ân	8	2	
7	Hồng Sơn	8	3	
8	Đội Cung	8	2	
9	Vinh Tân	7	1	
10	Sao Mai	7	1	
11	Hưng Chính	7	2	
12	Hưng Đông	5	2	
13	Lê Mao	4	3	
14	Hưng Lộc 1	2	2	
15	Đông Vĩnh	2	1	
16	Trường Thi	1	2	
17	Quang Trung 2	1	1	
18	Nghi Phú 1	1	1	
19	Hưng Bình	1	2	
20	Quang Trung 1		1	
21	Hưng Dũng 2		2	
22	Hưng Dũng 1		2	
23	Hoa Hồng		2	
24	Hà Huy Tập		1	
25	Bình Minh		1	
26	Bến Thủy		2	
	Tổng	105	45	

- Mở rộng diện tích khuôn viên của các trường mầm non Hồng Sơn, Lê Mao, Việt Lào.

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập các trường mầm non ngoài công lập tại các phường: Lê Mao, Trường Thi, Hưng Dũng, Hà Huy Tập, Vinh Tân, Hưng Đông, Nghi Kim, Hưng Lộc...

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giữ vững tiêu chuẩn của các trường đã đạt chuẩn quốc gia. Tập trung đầu tư xây dựng đến năm 2020 có 32 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trong đó có 10 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Cụ thể: Có thêm 7 trường Mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia đó là trường Mầm non Lê Mao, Mầm non Hồng Sơn, Mầm non Lê Lợi, Mầm non Hưng Phúc, Mầm non Hưng Lộc 2, Mầm non Nghi Phú 2.

Phụ lục 3.1 - Mạng lưới trường lớp bậc học mầm non đến 2020.

b) Giáo dục Tiểu học:

- Xây dựng mới trường Tiểu học công lập Hưng Phúc với quy mô 26 lớp, Tiểu học Hưng Lộc 2 với quy mô 30 lớp. Hoàn thành xây dựng trường Tiểu học Vinh Tân tại địa điểm mới với quy mô 30 lớp, trường Tiểu học Nghi Phú 2 tại địa điểm mới với quy mô 40 lớp.

- Mở rộng quy mô các trường Tiểu học (xây dựng thêm các phòng học và khối phòng chức năng bổ trợ):

TT	Trường Tiểu học	Số phòng học cần xây thêm	Số phòng chức năng cần xây thêm	Ghi chú
1	Hung Bình	22		
2	Đông Vĩnh	21		
3	Lê Lợi	19		
4	Nghi Kim	19		
5	Hung Đông	18		
6	Nguyễn Trãi	18		
7	Quang Trung	18		
8	Lê Mao	17		
9	Trường Thi	17		
10	Nghi Phú 1	15		
11	Bến Thủy	14		
12	Trung đô	14		
13	Hà Huy Tập 2	13		
14	Hung Dũng 1	13		
15	Hà Huy Tập 1	11		
16	Nghi Ân	11		
17	Nghi Liên	11		
18	Đội Cung	10		
19	Hung Chính	10		
20	Hung Lộc 1	10		
21	Hung Dũng 2	7		
22	Hung Hòa	7		
23	Cửa Nam 2	6		
24	Cửa Nam 1	5	1	
25	Nghi Đức	5		
26	Hồng Sơn	4		
	Tổng	335	1	

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường tiểu học Trường Thi, Cửa Nam 2, Lê Lợi.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phân đầu 100% các trường tiểu học có đầy đủ cơ sở vật chất để tổ chức tốt các hoạt động dạy học 2 buổi/ngày theo quy định và tổ chức bán trú cho học sinh; giữ vững tiêu chuẩn của các trường đã đạt chuẩn quốc gia. Tập trung đầu tư xây dựng đến năm 2020 có thêm 6 trường đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học Trường Thi, Tiểu học Cửa Nam 2, Tiểu học Hưng Phúc, Tiểu học Vinh Tân, Tiểu học Nghi Phú.

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập và phát triển các trường Tiểu học ngoài công lập tại các phường: Lê Mao, Hà Huy Tập, Hưng Dũng, Lê Lợi...

Phụ lục 3.2 - Mạng lưới trường lớp cấp học tiểu học đến 2020

c) Giáo dục Trung học cơ sở:

- Xây dựng mới 03 trường THCS công lập với quy mô từ 16 - 21 lớp tại phường Quán Bàu, Đông Vĩnh và Hưng Phúc.

- Mở rộng quy mô các trường THCS (xây dựng thêm các phòng học và khối phòng chức năng bổ trợ):

TT	Trường THCS	Số phòng học cần xây thêm	Số phòng chức năng cần xây thêm	Ghi chú
1	Hung Lộc	12	1	
2	Hà Huy Tập	12		
3	Nghi Phú	10	3	
4	Lê Mao	9		
5	Lê Lợi	8		
6	Bến Thủy	7		
7	Nghi Kim	6		
8	Hung Dũng	6		
9	Cửa Nam	5	1	
10	Đội Cung	4	4	
11	Trung Đô	3		
12	Nghi Ân	2		
13	Hung Chính	2		
14	Nghi Liên	1	3	
15	Hung Hòa	1	1	
16	Nguyễn Trường Tộ	1	1	
17	Nghi Đức		2	
	Tổng	89	16	

- 100% các trường THCS có đầy đủ cơ sở vật chất để tổ chức tốt các hoạt động dạy học, giáo dục theo quy định; Mở rộng diện tích khuôn viên trường THCS Vinh Tân, THCS Nguyễn Trường Tộ, THCS Lê Lợi, THCS Hồng Sơn, THCS Nghi Phú, THCS Hưng Dũng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giữ vững các tiêu chuẩn của các trường đã đạt chuẩn quốc gia. Phân đầu đến năm 2020 có thêm 14 trường THCS Công lập đạt chuẩn quốc gia: THCS Nguyễn Trường Tộ, THCS Hồng Sơn, THCS Đội Cung, THCS Hưng Hòa, THCS Nghi Phú, THCS Nghi Đức, THCS Nghi Ân, THCS Nghi Kim, THCS Hưng Bình, THCS

Cửa Nam, THCS Vinh Tân, THCS Quán Bàu, THCS Đông Vĩnh, THCS Hưng Phúc. Tiếp tục xây dựng Trường THCS Đặng Thai Mai theo mô hình trường trọng điểm chất lượng cao theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

Phụ lục 3.3 - Mạng lưới trường lớp cấp học trung học cơ sở đến 2020.

3. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

- Tổ chức quán triệt sâu sắc và cụ thể các quan điểm, mục tiêu, nội dung về Quy hoạch mạng lưới trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất trường học gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm các điều kiện về nhân lực, tài chính để thực hiện đạt mục tiêu đề án đề ra.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của xã hội:

+ Tuyên truyền sâu rộng chủ trương chính sách về Quy hoạch mạng lưới trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất trường học gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia của thành phố để các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ sở giáo dục và nhân dân có nhận thức đầy đủ, thực hiện có hiệu quả quy hoạch mạng lưới giáo dục và đào tạo.

+ Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, cộng đồng và xã hội trong việc tham gia làm chuyển biến chất lượng, phát triển giáo dục.

b) Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo ở từng bậc học, cấp học theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới sau năm 2018 và đáp ứng quy mô tăng nhanh của bậc học Mầm non và tăng dần của cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.

- Sắp xếp, bố trí hợp lý, từng bước thực hiện các biện pháp giải quyết giáo viên dôi dư; tinh giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP năm 2014 của Chính phủ. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng giáo viên mầm non hằng năm; bổ sung giáo viên văn hóa và các giáo viên môn Thể dục, Mỹ thuật, Âm nhạc của cấp Tiểu học và giáo viên môn Lịch sử, Sinh học, Hóa học, Thể dục, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học của cấp Trung học cơ sở sau năm 2016.

c) Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Nguồn kinh phí để thực hiện Đề án được lấy từ:

+ Ngân sách Nhà nước của Thành phố

+ Ngân sách Nhà nước của các phường, xã

+ Nguồn thu Xã hội hóa giáo dục và các nguồn thu hợp pháp khác

- Các phường, xã, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở căn cứ vào Quy hoạch phát triển giáo dục, quy mô phát triển hàng năm để chủ động xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng mới các trường học, bổ sung các học, phòng chức năng đáp ứng quy mô và nâng cao chất

lượng giáo dục, gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Kinh phí triển khai thực hiện Đề án ước tính khoảng 619 tỷ đồng.

Phụ lục 4 - Dự kiến nhu cầu kinh phí để thực hiện đề án

d) Thực hiện tốt việc xã hội hóa giáo dục

- Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về xã hội hóa giáo dục để các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các cơ sở giáo dục và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ, thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục.

- Thực hiện các quy định chính sách ưu đãi về sử dụng đất đối với các cơ sở ngoài công lập thành lập mới.

- Khuyến khích thực hiện các hoạt động xã hội hóa giáo dục trong hoạt động giáo dục theo quy định, đặc biệt là việc đầu tư xây dựng các trường ngoài công lập ở giáo dục mầm non tại các địa bàn thuận lợi; Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng cơ chế huy động xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp đối với trường trọng điểm, trường chất lượng cao ở các cấp học, bậc học trên địa bàn.

3. Tiến độ thực hiện

Năm 2016:

- Hoàn thành xây dựng trường tiểu học Vinh Tân tại địa điểm mới. Hoàn thành xây dựng các phòng học và các công trình hỗ trợ được phê duyệt tại các trường: Mầm non Việt Lào, Đội Cung, Nghi Ân; Tiểu học Hưng Chính, Đội Cung, Hà Huy Tập 1, Hưng Dũng 1; THCS Cửa Nam, Hưng Bình, Hưng Hòa, Nghi Ân, Nghi Liên.

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường THCS Nguyễn Trường Tộ, THCS Vinh Tân.

Năm 2017:

- Xây dựng trường Mầm non Hưng Lộc 2, Nghi Phú 2, Cửa Nam (tại địa điểm mới); các trường Tiểu học Hưng Phúc; THCS Quán Bàu.

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường THCS Lê Lợi, Tiểu học Lê Lợi, Tiểu học Trường Thi, Mầm non Việt Lào.

- Xây dựng thêm 150 – 160 phòng học và phòng chức năng.

Năm 2018:

- Xây dựng trường Mầm non Lê Lợi; trường Tiểu học Hưng Lộc 2 (tại địa điểm mới); THCS Hưng Bình (Tại địa điểm mới)

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường THCS Nghi Phú, THCS Hưng Dũng, THCS Hồng Sơn, Mầm non Hồng Sơn.

- Xây dựng thêm 150 – 160 phòng học và phòng chức năng.

Năm 2019:

- Xây dựng trường Mầm non Hưng Phúc; trường Tiểu học Nghi Phú 2 (tại địa điểm mới); THCS Đông Vĩnh

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường Mầm non Lê Mao, Tiểu học Cửa Nam 2.

- Xây dựng thêm 150 – 160 phòng học và phòng chức năng.

Năm 2020:

- Xây dựng trường THCS Hưng Phúc.

- Mở rộng diện tích khuôn viên của trường THCS Hồng Sơn.

- Xây dựng thêm 150 – 160 phòng học và phòng chức năng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo UBND các phường, xã xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại các địa phương đảm bảo đúng tiến độ. Chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu cho UBND Thành phố bố trí đội ngũ cán bộ, giáo viên cho các nhà trường theo đúng định mức qui định. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả việc triển khai, tổ chức thực hiện Đề án và báo cáo Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo theo định kỳ.

2. Phòng Nội vụ

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các nhà trường quản lý và sử dụng đội ngũ hiệu quả. Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND Thành phố tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng quy mô phát triển hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Phòng Quản lý Đô thị

Phối hợp với các phòng, ban, ngành của Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết của các nhà trường. Thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư xây dựng và mở rộng qui mô trường học đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

4. Phòng Tài chính-Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo cân đối và bố trí nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách cấp Tỉnh, Thành phố và các nguồn thu hợp pháp khác cho các địa phương, các nhà trường theo cơ chế của Thành phố để triển khai thực hiện Đề án.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành của Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn UBND các phường, xã và các cơ quan liên quan xây dựng quy hoạch và bố trí quỹ đất để mở rộng và xây dựng trường học theo yêu cầu Đề án.

6. Phòng Văn hóa Thông tin và Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố

Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, động viên các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia xã hội hóa giáo dục.

7. UBND các phường, xã

Căn cứ vào Đề án, điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện trình HĐND phường, xã phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện. Huy động các nguồn lực, tăng cường xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục cho các nhà trường. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài An